

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND Bình Định, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm Phân tích và
Đo lường Chất lượng giai đoạn 2021-2025
Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 248/TTr-STC ngày 11/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung sau đây:

- Dự án: Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng giai đoạn 2021-2025.
- Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp Bình Định.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp Bình Định.
- Địa điểm xây dựng: Số 01 Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021-2024.
- Thời gian khởi công- hoàn thành: 21/12/2022-14/9/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán
	Tổng cộng chi phí	17.702.853.000	16.612.749.000
I	Chi phí xây dựng+ Thiết bị	15.146.105.000	14.922.394.000
II	Chi phí quản lý dự án	437.491.000	437.490.000
	Phần dân dụng	422.126.046	
	Phần HTKT	15.364.751	
III	Tư vấn đầu tư xây dựng công trình	1.213.650.000	1.161.006.000
1	Chi phí lập BC NCKT	171.305.000	168.190.000
2	Chi phí TK BVTC		
	Phần dân dụng	380.854.140	385.769.000
	Phần HTKT	12.059.820	
3	Chi phí thẩm tra TK BVTC		
	Phần dân dụng	28.816.159	57.975.000
	Phần HTKT	1.147.722	
4	Chi phí thẩm tra dự toán		
	Phần dân dụng	27.972.981	1.112.766
	Phần HTKT	1.112.766	
5	Chi phí giám sát thi công		
	Phần dân dụng	367.078.444	369.610.000
	Phần HTKT	14.949.517	
	Phần thiết bị	24.543.652	
6	Chi phí lập HSMT và phân tích ĐG HSDT XL và TB		
	Phần dân dụng	22.788.580	27.063.000
	Phần HTKT	1.165.200	
	Phần thiết bị	5.816.031	
7	Chi phí khảo sát địa chất	90.178.000	88.538.000
8	CP thẩm định HSMT và KQ LCNT thi công xây lắp	11.976.890	14.884.000

9	CP thẩm định HSMT và KQ LCNT mua sắm thiết bị	2.908.016	
10	Chi phí lập BC đề xuất cấp giấy phép môi trường	48.977.000	48.977.000
IV	Chi phí khác	96.880.000	91.859.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	13.174.579	13.174.000
2	Chi phí HĐTV GQKN của nhà thầu về KQ LCNT thi công XD và mua sắm thiết bị	2.706.346	
3	Phí thẩm định BC NC khả thi của CQ chuyên môn về xây dựng	1.638.000	1.638.000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	62.830.127	61.735.000
5	Chi phí thẩm duyệt PCCC	1.515.000	840.000
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	544.000	
7	Chi phí thẩm định giá thiết bị	14.472.000	14.472.000
V	Chi phí dự phòng: phát sinh khối lượng	808.727.000	

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng cộng	17.702.853	16.612.749	15.956.728	656.021	0
+	Vốn đầu tư công NST			15.956.728		

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			16.612.749.000	16.612.749.000
1- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			16.612.749.000	16.612.749.000

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản Không

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và cơ quan thực hiện dự án:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là: 16.612.749.000 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	16.612.749.000	
1) Vốn đã thanh toán: Vốn ĐT công NST	15.956.728.000	
- Cấp quyền sử dụng đất	15.700.000.000	
- Đầu tư tập trung	256.728.000	
2) Vốn còn thanh toán tiếp:	656.021.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (11/3/2024) là:

- Tổng nợ phải trả : 656.021.000 đồng, bao gồm:

+ Chi phí xây lắp- TB : 594.286.000đ

+ Chi phí khác : 61.735.000đ

. CP thẩm tra phê duyệt QT : 61.735.000đ

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ Bình Định	16.612.749.000	

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý dự án Dân dụng và Công nghiệp Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang